

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TNMT

Tuy Phước, ngày tháng 3 năm 2024

V/v triển khai tính toán,  
đánh giá kết quả thực hiện  
Bộ Chỉ số đánh giá kết quả  
bảo vệ môi trường năm  
2023 trên địa bàn huyện

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định

Thực hiện Văn bản số 451/STNMT-CCBVMT ngày 05/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Định về việc triển khai tính toán, đánh giá kết quả thực hiện Bộ Chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023. Qua rà soát nội dung văn bản, phụ lục hướng dẫn và theo đề xuất của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Báo cáo số 43/BC-TNMT ngày 19/3/2024, UBND huyện Tuy Phước tính toán, đánh giá kết quả thực hiện Bộ Chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn huyện như sau:

Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Trên địa bàn huyện chưa có nhà máy xử lý nước thải đô thị.

Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) trở lên có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Trên địa bàn huyện không có cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) trở lên.

Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Trên địa bàn huyện có 01 CCN Phước An, có xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường: Đã xây dựng 15 nhà lưu chứa tại 13 xã thị trấn; 49 ngôi nhà xanh tại: Trụ sở UBND các xã, thị trấn, thôn, khu phố và trường học để thu gom pin thải từ hộ gia đình; bố trí 101 thùng lưu chứa chất thải nguy hại của hộ gia đình tại các thôn, khu phố của các xã, thị trấn; bố trí 1.152 bể chứa bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên cánh đồng ruộng để lưu chứa bao bì chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng.

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn: Trong năm 2023, đã tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đạt 17,7% (8.654 hộ/48.879 hộ). Hiện nay UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 29/01/2024 thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện, giai đoạn 2024-2025 và sau năm 2025.

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trong năm 2023 đạt: 80,18 %.

Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh: Trên địa bàn huyện không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo: Trong năm 2023, không phát hiện khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu.

Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt: 85,17% (thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì, xã Phước Lộc, xã Phước Sơn, xã Phước Hoà).

Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt: 100%.

Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch phát triển rừng: Trong năm 2023 trồng rừng với diện tích 130 ha (khai thác và trồng lại).

Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá: Không.

Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường: trong năm 2023 chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt 96,94%.

Tỷ lệ số vụ việc phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng đã được xử lý: Trong năm 2023, không có vụ việc phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng (Có phụ lục kèm theo).

Trên đây là tính toán, đánh giá kết quả thực hiện Bộ Chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn huyện, đề nghị Sở TN&MT Bình Định xem xét tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, K6.

**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Nam**

**Phụ lục**  
**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ SỐ NHÓM I BỘ CHỈ SỐ NĂM 2023**  
*(Kèm theo Công văn số /UBND-TNMT ngày tháng 3 năm 2024 của UBND huyện)*

<b>STT</b>	<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kết quả tự đánh giá/Ghi chú</b>
1	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	Trên địa bàn huyện chưa có nhà máy xử lý nước thải đô thị
2	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m <sup>3</sup> /ngày (24 giờ) trở lên có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	100 <i>(Trên địa bàn huyện không có cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát sinh nước thải từ 50 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) trở lên)</i>
3	Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	100 <i>(Trên địa bàn huyện có 01 CCN Phước An, có xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung)</i>
4	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	100 <i>(Đã xây dựng 15 nhà lưu chứa tại 13 xã thị trấn; 49 ngôi nhà xanh tại: trụ sở UBND các xã, thị trấn, thôn, khu phố và trường học để thu gom pin thải từ hộ gia đình); bố trí 101 thùng lưu chứa chất thải nguy hại của hộ gia đình tại các thôn, khu phố của các xã, thị</i>

STT	Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Kết quả tự đánh giá/Ghi chú
			<i>trần; bố trí 1.152 bệ chứa bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên cánh đồng ruộng để lưu chứa bao bì chai lọ thuốc BVTV sau sử dụng</i>
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn	%	Trong năm 2023, đã tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đạt 17,7% (8.654 hộ/48.879 hộ). Hiện nay UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 29/01/2024 thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn huyện, giai đoạn 2024-2025 và sau năm 2025.)
6	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	80,18
7	Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh	%	Không có
8	Tỷ lệ số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo	%	Trong năm 2023, không phát hiện khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu
9	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	85,14 ( thị trấn Diêu Trì, thị trấn Tuy Phước, xã Phước Lộc, Phước Sơn, Phước Hoà)

<b>STT</b>	<b>Chỉ số thành phần</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kết quả tự đánh giá/Ghi chú</b>
10	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	100
11	Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch phát triển rừng	%	130 ha (Khai thác và trồng lại)
12	Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá	ha	0
13	Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường	%	96,94
14	Tỷ lệ số vụ việc phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng đã được xử lý	%	Trong năm 2023, không có vụ việc phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng.